

I/ QUY ĐỊNH CHUNG

1/ **Đối tượng áp dụng:**

- Hàng hóa (kể cả container và hàng tổng hợp) vận chuyển trên các tuyến xuất nhập khẩu hoặc tuyến nội địa được bốc dỡ, giao nhận, bảo quản tại khu nước, khu đất thuộc cảng Tân Cảng Hiệp Phước.
- Đơn vị chịu trách nhiệm thanh toán: các chủ hàng, chủ phương tiện thuộc các thành phần kinh tế trong nước có hàng hoá, phương tiện thông qua cảng Tân Cảng Hiệp Phước.

2/ **Nguyên tắc tính giá:**

- Thực hiện công đoạn nào thì tính giá công đoạn đó.
- Các giá trong biểu giá này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT)
- Đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam (VNĐ)

3/ **Thời gian làm việc:**

- Ngày làm việc hành chính: các ngày trong tuần trừ ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ, tết và các ngày nghỉ theo qui định.
- Giờ làm việc hành chính: từ 07h30 - 17h00 các ngày làm việc hành chính.

4/ **Đơn vị tính cước:**

a/ **Đơn vị trọng lượng hoặc khối lượng:**

- Tấn (T), tấn quy đổi (R.T) hoặc m^3 : phần lẻ tới 0,5T (R.T hoặc m^3) tính tròn là 0,5T (R.T hoặc m^3), trên 0,5T (R.T hoặc m^3) tính tròn là 1T (R.T hoặc m^3).
- Trường hợp trong một vận đơn có trọng lượng hoặc khối lượng hàng hóa nhỏ hơn 1T (R.T) hoặc $1m^3$: tính tròn 1T (R.T) hoặc $1m^3$ để tính cước.

b/ **Đơn vị thời gian:**

- Tháng: tính 30 ngày, phần lẻ tới 15 ngày được tính bằng $\frac{1}{2}$ tháng, phần lẻ trên 15 ngày được tính bằng 1 tháng.
- Ngày: tính 24 giờ, phần lẻ tới 12 giờ được tính bằng $\frac{1}{2}$ ngày, phần lẻ trên 12 giờ được tính bằng 1 ngày.
- Ca: tính 08 giờ, phần lẻ tới 04 giờ được tính bằng $\frac{1}{2}$ ca, phần lẻ trên 04 giờ được tính bằng 1 ca.
- Giờ: tính 60 phút, phần lẻ tới 30 phút được tính bằng $\frac{1}{2}$ giờ, phần lẻ trên 30 phút được tính bằng 1 giờ.